

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 9 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Phương và bà Lê Thị Uyên Như.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Đức Thiện - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hoài Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-DS ngày 22/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố M3, phường Đông H, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Phùng Thế Phú Q, sinh năm 1990; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố An Hòa 1, Xã Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị; Nơi ở hiện nay: Số 01 Lê Duẩn, xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/7/2025); Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Ngọc H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phùng Thế Phú Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2022, ông Đoàn Ngọc H đã nhiều lần mượn tiền của bà Nguyễn Thị T và bà T dùng số tài khoản 3900205085942 của mình mở tại Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh tỉnh Quảng Trị để chuyển vào số tài khoản 54010000750204 của ông H mở tại Ngân Hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Quảng Trị cho ông H mượn tiền, cụ thể như sau: Ngày 17/01/2022, chuyển số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 17/01/2022, chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 03/03/2022, chuyển số

tiền 10.000.000 đồng; Ngày 08/03/2022, chuyển số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 21/03/2022, chuyển số tiền 80.000.000 đồng; Ngày 07/05/2022, chuyển số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 23/07/2022, chuyển số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 09/09/2022, chuyển số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 06/09/2022, chuyển vào tài khoản 040043268904 của ông Đoàn Ngọc H mở tại Ngân Hàng Sacombank số tiền 5.000.000 đồng; Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T chuyển cho ông Đoàn Ngọc H mượn là 149.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T nhưng ông H không trả. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Ngọc H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 149.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Ngọc H trình bày:

Ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 16/01/2023 và ly hôn vào ngày 15/7/2024 theo Quyết định số 11/2024/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân tHành phố Đông H, tỉnh Quảng Trị. Việc bà T chuyển tiền cho ông H trong thời gian ông H và bà T có quan hệ tình cảm, chuẩn bị tiến tới hôn nhân, đây là khoản tiền cho tặng xuất phát từ sự tự nguyện của bà T, không có văn bản hay thỏa thuận mượn vay mượn nào giữa ông H và bà T cũng như không có biên nhận, không có nội dung xác nhận nghĩa vụ phải hoàn trả, không có lãi suất hay kỳ hạn cụ thể. Ông Đoàn Ngọc H thừa nhận bà T đã chuyển vào số tài khoản 54010000750204 (BIDV) và số tài khoản 040043268904 (Sacombank) của ông Đoàn Ngọc H tổng cộng số tiền 149.000.000 đồng. Việc bà T khởi kiện đòi lại tiền sau khi hai người đã ly hôn là không đúng và gây áp lực cho ông H nên không đồng ý trả lại toàn bộ tiền 149.000.000 đồng cho bà T mà chỉ đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền mà bà T chuyển khoản cho ông H có thể hiện nội dung mượn tiền là 49.000.000 đồng; còn lại số tiền 100.000.000 đồng mà bà T chuyển cho ông H không thể hiện nội dung mượn tiền nên ông H không đồng ý trả lại cho bà T.

Dương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ: 08 Sổ phụ sao kê tài khoản ngân Hàng Agribank của bà Nguyễn Thị T (Bản sao y của ngân Hàng); 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị T (Bản phô tô).

Ngày 29/7/2025 cung cấp: 01 Giấy ủy quyền.

Ngày 14/8/2025 cung cấp: 01 Đơn trình bày ý kiến (Nguyễn Thị T); 01 Bảng kê chuyển tiền và lý do mượn tiền; 02 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “H” có chữ viết ngày 17/01/2022 (bản phô tô) và 02 hình ảnh chi tiết giao dịch (bản phô tô); 10 hình ảnh màn hình tin nhắn “H” có chữ viết ngày 03/3/2022 mượn cọc đất (bản phô tô); 01 hình ảnh màn hình tin nhắn “H” có chữ viết ngày 08/3/2022 mượn 4tr học phí lái xe (Bản phô tô); 02 hình ảnh màn hình tin nhắn “H” có chữ viết chuyển tiền 80tr (Bản phô tô); 02 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “H” có chữ viết mượn 5tr, 6/9/2022(bản phô tô) và 01 hình ảnh chi tiết giao dịch (bản

phô tô); 01 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “H” có chữ viết 5tr (bản phô tô); 01 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “H” có chữ viết mượn 5tr, 9/9/2022(bản phô tô); 02 hình ảnh chi tiết giao dịch ngày 09/9/2022, 07/05/2022 (bản phô tô) và 02 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “H”; 01 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “H”; 02 hình ảnh chụp màn hình tin nhắn “Ngọc H”; 01 hình ảnh tin nhắn số điện thoại +84947305545 (Bản phô tô); 01 hình ảnh tin nhắn số điện thoại +84947916306 (Bản phô tô). Tổng cộng 34 khoản.

Bị đơn cung cấp: 01 Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/7/2025;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến Hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp Hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 35, 39, điểm g khoản 2 Điều 97, Điều 106, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đoàn Ngọc H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 149.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Đoàn Ngọc H phải chịu 7.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.725.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Ngọc H thường trú tại thôn An Tiêm, xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị trả tiền vay theo các lần chuyển khoản. Đây là tranh hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hành xác minh và thu thập chứng cứ tại Ngân Hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Quảng Trị và Ngân Hàng TMCP Sài gòn Thương tín (Sacombank) - Chi nhánh Lao Bảo, kết quả xác định: Chủ số tài khoản 54010000750204 (BIDV) và chủ số tài khoản 040043268904 (Sacombank) là của ông Đoàn Ngọc H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn An Tiêm, xã Tân THành, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị). Các ngân Hàng đã sao kê giao dịch số tài khoản 3900205085942 của bà Nguyễn Thị T mở tại Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) để chuyển vào số tài khoản 54010000750204 (BIDV) và số tài khoản 040043268904 (Sacombank) từ 17/01/2022 đến ngày 09/09/2022 như sau:

- Số tài khoản 54010000750204 (BIDV) của ông Đoàn Ngọc H thể hiện: Ngày 17/01/2022 phát sinh số tiền có: 15.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 17/01/2022 phát sinh số tiền có: 10.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 03/03/2022 phát sinh số tiền có: 10.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 08/03/2022 phát sinh số tiền có: 4.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 21/03/2022 phát sinh số tiền có: 80.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 07/05/2022 phát sinh số tiền có: 5.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 23/07/2022 phát sinh số tiền có: 15.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản. Ngày 09/09/2022 phát sinh số tiền có: 80.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản.

- Số tài khoản 040043268904 (Sacombank) của ông Đoàn Ngọc H thể hiện: Ngày 06/9/2022 phát sinh số tiền có 5.000.000 đồng, nội dung Nguyễn Thị T chuyển khoản.

Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị T chuyển vào 02 số tài khoản nêu trên của ông Đoàn Ngọc H là 149.000.000 đồng.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là các hình ảnh chụp màn hình tin nhắn trao đổi giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Ngọc H, nội dung như sau:

- Ngày 17/01/2022: Sau khi trao đổi tin nhắn về việc “phải đi vay nóng để trả tiền Hàng” giữa ông H và bà T, bà T đã 02 lần chuyển qua tài khoản ngân Hàng BIDV của ông H để cho ông H mượn với số tiền 25.000.000 đồng.

- Ngày 03/03/2022: Ông H nhắn tin cho bà T mượn 10.000.000 đồng để “cọc đất” bà T đã chuyển qua tài khoản ngân Hàng BIDV của ông H để cho ông H mượn.

- Ngày 08/03/2022: Ông H nhắn tin cho bà T mượn 4.000.000 đồng để “nộp cho họ do không mang đủ tiền” bà T đã chuyển qua tài khoản ngân Hàng BIDV của ông H để cho ông H mượn.

- Ngày 06/09/2022: Ông H nhắn tin cho bà T mượn 5.000.000 đồng với lý do “mượn 5 triệu đóng tiền trường cho con bé” Bà T đã chuyển vào tài khoản 040043268904 Ngân Hàng Sacombank.

- Ngày 09/09/2022: Ông H nhắn tin cho bà T mượn 5.000.000 đồng với lý do “mượn 5 triệu để lo việc” bà T đã chuyển qua tài khoản ngân Hàng BIDV của ông H để cho ông H mượn.

Xét thấy, trong năm 2022, giữa bà T và ông H có phát sinh giao dịch ông H mượn tiền của bà T và bà T đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản 54010000750204 mở tại Ngân Hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam của ông H số tiền 144.000.000 đồng và 01 lần tài khoản 040043268904 mở tại Ngân Hàng Sacombank của ông H số tiền 5.000.000 đồng. Ông H chỉ đồng ý trả nợ cho bà T số tiền 49.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng ông H không đồng ý trả cho bà T vì cho rằng bà T tặng cho ông H nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T tặng cho và ông H cũng không chứng minh được đã chuyển trả lại số tiền này cho bà T. Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H phải trả cho bà T số tiền 149.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.725.000 đồng.

Buộc bị đơn ông Đoàn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $149.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.450.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Buộc ông Đoàn Ngọc H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 149.000.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, tất cả các khoản tiền, Hàng tháng bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.725.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000862 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Hướng Hóa (nay là Phòng Thi Hành án dân sự khu vực 7), tỉnh Quảng Trị.

- Buộc ông Đoàn Ngọc H phải chịu 7.450.000đ (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi Hành án dân sự. Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi Hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Thi Hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Huy